

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17-4-2019

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồng Chí Tín.

Ông Dương Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thế Bắc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc: “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Bích T, sinh năm 1991. (có mặt)

Cư trú tại: Ấp C, xã Đ, huyện N., tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Phạm Tứ P, sinh năm 1991. (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp C, xã Đ, huyện N., tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Bích T trình bày:**

- Về hôn nhân: Vào năm 2013 chị T và anh P tìm hiểu và đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển tại giấy chứng nhận kết hôn số: 207/2013 ngày 26 tháng 12 năm 2013.

Trong quá trình sinh sống vợ chồng thường cự cãi với nhau, mâu thuẫn ngày càng nhiều, không thể hàn gắn quan hệ hôn nhân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Tứ P.

- Về con chung: Có 01 người, tên Phạm Thiên Đức – sinh năm 2014 (nam), hiện nay cháu Đức đang sống chung với chị T, khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi cháu Đức, không đặt ra cấp dưỡng.

- Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn – anh Phạm Tứ P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tài liệu, chứng cứ và hòa giải, nhưng anh P không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu ly hôn và nuôi con của chị T, anh P cũng không tham gia phiên họp và hòa giải.

** Tại phiên tòa:*

- Chị T bảo lưu ý kiến của mình, yêu cầu ly hôn với anh Phạm Tứ P, yêu cầu được nuôi con, không đặt ra cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ.

- Anh P vắng mặt tại phiên tòa.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Về thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của các đương sự là đúng theo quy định pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Bích T, giao cháu Phạm Thiên Đức cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Tứ P đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần 2 mà vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh Phạm Tứ P là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Năm 2013, chị Trương Bích T và anh Phạm Tứ P tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau tại giấy chứng nhận kết hôn số: 207/2013 ngày 26/12/2013, nên hôn nhân là hợp pháp.

Theo lời trình bày của chị T, sau khi kết hôn được 01 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về mọi vấn đề trong cuộc sống do bất đồng quan điểm. Vợ chồng cũng đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 cho tới nay. Thời gian sống ly thân vợ chồng không liên lạc với nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh P vì không còn tình cảm với anh P.

Hội đồng xét xử nhận định: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Phạm Tứ P nhưng anh vắng mặt và không trình bày ý kiến về vấn đề hôn nhân với chị T, chứng tỏ anh P không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Mặt khác, chị T và anh P đã sống ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay, hai bên không gặp nhau để giải

quyết mâu thuẫn gia đình. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân tới mức trầm trọng không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Bích T đối với anh Phạm Tứ P.

[2.2] Về con chung: Có 01 người con tên Phạm Thiên Đức (nam), sinh năm 2014. Hiện cháu Đức đang sống với chị T, chị T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử nhận định: Cháu Đức (sinh năm 2014) đến nay đã được 05 tuổi, hiện nay cháu Đức đang trực tiếp sống với chị T và vẫn đảm bảo được phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần, anh P không có ý kiến yêu cầu được nuôi con, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Phạm Thiên Đức cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng Dân sự: *“Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Trương Bích T phải chịu với số tiền là 300.000 đồng, được trừ phần tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào:

- Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Bích T đối với anh Phạm Tứ P.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thiên Đức (nam), sinh năm 2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vấn đề cấp dưỡng không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Trương Bích T phải chịu với số tiền là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005441 ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, án phí sơ thẩm chị T đã nộp xong.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Ủy ban nhân dân xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Hoàng Tuấn